

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 20-3-2026
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Bích Phượng.
- Bà Ngô Hồng Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Tây Ninh.

Ngày 20 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2026 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim Q, sinh năm 1992; Địa chỉ: Ấp T, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Lê Thanh T, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp R, xã L, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 29 tháng 01 năm 2026, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Kim Q trình bày: Bà và ông T có tổ chức đám cưới theo phong tục và có thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An nay là xã L, tỉnh Tây Ninh được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 51/2020 ngày 28/5/2020. Hôn nhân do tìm hiểu tự nguyện. Thời gian đầu thì vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến cuối năm 2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do lối sống không hòa hợp, ông T không phụ giúp kinh tế cho gia đình, vô tâm và không có trách nhiệm với vợ con, vợ chồng có cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Từ đầu năm 2025 thì bà và con về quê ở Đồng Tháp sinh sống và vợ chồng cũng chính thức ly thân từ đó. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống vợ chồng nên bà yêu cầu giải quyết được ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Thị Thảo N, sinh ngày 29/12/2021. Hiện cháu N đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung bà xác định không có.

Bị đơn ông Lê Thanh T trình bày tại Biên bản hòa giải ngày 06/3/2026 như sau: Ông T xác định ông với bà Q có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn như bà Q trình bày, trong quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân, nay bà Q nộp đơn yêu cầu ly hôn thì ông T không đồng ý ly hôn với bà Q.

Về con chung: có 01 con chung tên Lê Thị Thảo N, sinh ngày 29/12/2021 hiện đang sống với bà Q do ông T không đồng ý ly hôn nên ông T không trình bày ý kiến đối với yêu cầu về con chung của bà Q.

Về tài sản chung không có.

Về nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Lê Thị Kim Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Thanh T. Ông Lê Thanh T là bị đơn, hiện nay đang cư trú tại xã L, tỉnh Tây Ninh nên khi bà Q có đơn khởi kiện ly hôn, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Tây Ninh căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2] Bị đơn ông Lê Thanh T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim Q:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim Q và ông Lê Thanh T có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An nay là xã L, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 51/2020 ngày 28/5/2020 nên hôn nhân là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Bà Q nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T và theo bà Q thì nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp về lối sống, vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm và đã ly thân từ đầu năm 2025 cho đến nay. Về phía ông T cũng thừa nhận trong quá trình chung sống ông T và bà Q có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân, tuy nhiên ông T không đồng ý ly hôn với bà Q.

Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, gắn bó, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và cùng chung mục đích xây dựng gia đình. Xét bà Q và ông T thực tế có mâu thuẫn, vợ chồng không còn sống chung nhà, không còn sinh hoạt chung, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã ly thân đầu năm 2025 cho đến nay. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải đoàn tụ cho bà Q và ông T vào ngày 06/3/2026 nhưng không thành. Tại phiên tòa, bà Q kiên quyết xin ly hôn với ông T, ông T mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng xin vắng mặt và không đến tham gia phiên tòa, cho thấy ông T không

có thiện chí hàn gắn tình cảm, bỏ mặc quan hệ vợ chồng với bà Q nên Hội đồng xét xử áp dụng nguyên tắc hôn nhân tự nguyện, tiến bộ và căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Q, cho bà Q được ly hôn với ông T.

[2.2] Về con chung: bà Q và ông T có 01 con chung tên Lê Thị Thảo N, sinh ngày 29/12/2021. Khi ly hôn, bà Q yêu cầu tiếp tục nuôi cháu N. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu N đang sống với bà Q, cuộc sống ổn định, đồng thời, cháu N có nguyện vọng muốn được sống với bà Q. Ông T không có ý kiến về nuôi con chung. Do đó, để đảm bảo điều kiện sinh sống và phát triển bình thường ổn định cho con chung nên cần giao cho bà Q tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Bà Q không có ý kiến yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử tạm thời ghi nhận ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung bà Q và ông T đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Kim Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền, thời hạn kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị Kim Q đối với bị đơn ông Lê Thanh T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim Q được ly hôn với ông Lê Thanh T.

Về nuôi con chung: Giao cho bà Lê Thị Kim Q được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung chưa thành niên tên Lê Thị Thảo N, sinh ngày 29/12/2021. Tạm thời ghi nhận ông Lê Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Kim Q phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà Q đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0004044 ngày 04/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, bà Q đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Kim Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Lê Thanh T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định của Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực;
- Thi hành dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Cơ quan nơi đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Như Quyền

